

Phụ lục I

TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024; NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/6/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng		6.713.892.700	
1	Kinh phí thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị năm 2025	Văn Phòng Huyện ủy	3.874.255.800	
		Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện	2.174.930.600	
		Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện	664.706.300	

Phụ lục II

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024; NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ (ĐỢT 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16/6/2025 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính		Ghi chú
		Người	Số tiền (đồng)	
	TỔNG CỘNG (I+II):	6	6.713.892.700	
I	Kinh phí đối với đối tượng nghỉ hưu trước tuổi	5	6.049.186.400	
1	Chế độ cho người có độ tuổi còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu	2	494.215.000	
2	Chế độ cho người có tuổi còn từ đủ 02 năm đến 05 năm đến tuổi nghỉ hưu	2	3.914.796.700	
3	Chế độ cho người có tuổi còn trên 5 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu	1	1.640.174.700	
II	Kinh phí đối với đối tượng nghỉ thôi việc	1	664.706.300	
1	Chế độ thôi việc cho cán bộ, công chức có thời gian đóng BHXH từ đủ 5 năm trở lên	1	664.706.300	

Phụ lục III

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI

#VALUE!

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ , đơn vị công tác	Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi		Tháng nghỉ đúng tuổi	Thời điểm nghỉ thực hiện chính sách 178	Số tháng khi nghỉ hưu để hưởng ND 178	Số tháng nghỉ sớm so với quy định	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp thâm niên	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề/ưu đãi nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đặc thù, đoàn thể chính trị - xã hội	Lương hiện hưởng	Thời gian đóng BHXH bắt buộc tính đến thời điểm nghỉ		Số năm đóng BHXH làm tròn	Trợ cấp 1 lần cho thời gian nghỉ sớm	Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi				Tổng kinh phí	QĐ phê duyệt danh sách
				Năm	Tháng													Số năm về hưu trước tuổi				Trợ cấp nghỉ trước tuổi	Trợ cấp cho thời gian công tác đóng BHXH				
																		Thực tế	Làm tròn								
	Tổng (I+II+III)																				3.683.185.777			1.525.550.785	840.449.876	6.049.186.400	
I- Chế độ cho người có độ tuổi còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu																					494.215.020	-	-	-	-	494.215.000	
1	Đỗ Nam Thắng	3/1965	Chuyên viên Ban Tuyên giáo và Dân vận huyện ủy	61	6	738	01/05/2025	721	17	4,32					25%	30%	15.668.640	22	10		266.366.880					266.366.900	QĐ số 1307-QĐ/TU ngày 28/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; QĐ số 3880-QĐ/HU ngày 02/4/2025 của BTV Huyện ủy
2	Nguyễn Văn Bán	8/1964	Phó Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận huyện ủy	61	3	735	01/3/2025	726	9	6,78	0,2				25%	30%	25.316.460	40	6		227.848.140					227.848.100	QĐ số 1215-QĐ/TU ngày 17/2/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; QĐ số 3686-QĐ/HU ngày 27/02/2025 của BTV Huyện ủy
II- Chế độ cho người có tuổi còn từ đủ 02 năm đến 05 năm đến tuổi nghỉ hưu																					2.278.231.057,4			985.853.185,2	650.712.438,1	3.914.796.700,0	
1	Phạm Mạnh Lâm	11/1966	Phó Bí thư chi bộ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra huyện ủy	62	0	744	01/04/2025	700	44	4,98	0,2	13%	6%	25%	30%	21.954.147	40	1	40,50	965.982.457	3,7	4,0	439.082.935	334.800.738	1.739.866.100	QĐ số 1307-QĐ/TU ngày 28/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; QĐ số 1313-QĐ/TU ngày 28/3/2025 của BTV Tỉnh ủy	
2	Nguyễn Văn Vinh	6/1967	Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện	62	0	744	04/01/2025	690	54	6,10	0,6			25%	30%	24.300.900	35	7	36,00	1.312.248.600	4,5	4,5	546.770.250	315.911.700	2.174.930.600	QĐ số 1307-QĐ/TU ngày 28/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; QĐ số 1312-QĐ/TU ngày 28/3/2025 của BTV Tỉnh ủy	
III- Chế độ cho người có tuổi còn trên 5 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu																					910.739.700			539.697.600	189.737.438	1.640.174.700	
1	Điền Chính Quỳnh	2/1971	Chuyên viên Ban Tuyên giáo và Dân vận huyện ủy	62	0	744	01/05/2025	650	94	4,65					25%	30%	16.865.550	32	1	32,50	910.739.700	7,8	8,0	539.697.600	189.737.438	1.640.174.700	QĐ số 1307-QĐ/TU ngày 28/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; QĐ số 3881-QĐ/HU ngày 02/4/2025 của BTV Huyện ủy

Phụ lục IV

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THÔI VIỆC ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC

#VALUE!

Hệ số	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Thời điểm nghỉ thực hiện chính sách 178	Thời gian đóng BHXH bắt buộc tính đến thời điểm nghỉ		Trợ cấp thôi việc										Trợ cấp tiền lương hiện hưởng cho năm đóng BHXH		Trợ cấp tìm việc làm	Tổng kinh phí	QĐ phê duyệt danh sách
					Năm	Tháng	Số tháng đóng BHXH	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp thâm niên nghề (%)	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề/ưu đãi nghề(%)	Phụ cấp công vụ (%)	Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội(%)	Lương hiện hưởng (lương, các khoản phụ cấp) hoặc lương thỏa thuận	Số tiền được hưởng	Số năm đóng BHXH tính hưởng (làm tròn)	Trợ cấp tiền lương hiện hưởng			
Chế độ thôi việc cho cán bộ, công chức có thời gian đóng BHXH từ đủ 5 năm trở lên																					
1	Phạm Hồng Thái	09/8/1987	Chuyên viên, phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện	01/05/2025	16	3	195	3,0					25%		8.775.000	421.200.000	16,5	217.181.250	26.325.000	664.706.300	QĐ số 1009/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh; QĐ số 754/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của UBND huyện Mai Sơn